



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



LÝ LỊCH KHOA HỌC

| 1. Thông tin cá nhân | |
|----------------------------|---|
| Họ và tên | TRẦN THỊ HỒNG MINH |
| Ngày, tháng, năm sinh | 30/01/1977 |
| Giới tính | Nữ |
| Nơi sinh | Nam Định |
| Địa chỉ liên lạc | 11c/178/2 Quan Nhân, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội |
| Điện thoại cơ quan | |
| Điện thoại di động | 0911783977 |
| Email | tthminh@hunre.edu.vn |
| Học vị | Tiến sĩ |
| Năm, nơi công nhận học vị | Đại học Mở - Địa chất |
| Học hàm | |
| Năm phong hàm | |
| Chức danh nghề nghiệp | Giảng viên chính (mã V07.01.02) |
| Chức vụ và đơn vị công tác | Giảng viên, Khoa Địa chất |

| 2. Trình độ học vấn | | | |
|--|-------------------|--|--|
| 2.1. Quá trình đào tạo | | | |
| Năm tốt nghiệp | Bậc đào tạo | Ngành (chuyên ngành) đào tạo | Cơ sở đào tạo (ghi rõ tên và quốc gia) |
| 2000 | Đại học | Kỹ thuật Địa chất | Đại học Mở -Địa chất |
| 2005 | Thạc sĩ | Khoa học Trái đất | Đại học Mở -Địa chất |
| 2020 | Tiến sĩ | Địa hóa - khoáng vật học | Đại học Mở -Địa chất |
| 2.2. Tên luận án tiến sĩ (nếu đã bảo vệ) | | Đặc điểm Địa hóa đất tả ngạn sông Hồng thuộc địa bàn Hà Nội | |
| 2.3. Các khóa đào tạo ngắn hạn (nếu có) | | | |
| Thời gian | Nội dung đào tạo | | Đơn vị đào tạo |
| Tháng 6 – tháng 9/2005 | Nghịệp vụ Sư phạm | | Đại học sư phạm Hà Nội |

| | | |
|--------------------------|--|---|
| 2016 | Bồi dưỡng về đảm bảo chất lượng | Đại học sư phạm |
| 2017 | Chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 3 | Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội |
| 2016- 2017 | Trung cấp lý luận chính trị - hành chính | Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ Công Thương TW |
| 5/2018 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội |
| Tháng 6 đến tháng 7/2018 | Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng | Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ Công Thương TW |
| 02/11/2019- 29/12/2019 | Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính hạng II | ĐH sư phạm Hà Nội 2 |
| 1/2021 | Bồi dưỡng về cán bộ đào tạo kỹ năng mềm | Trường Cán bộ Hà Nội |

2.4. Trình độ ngoại ngữ

| Ngoại ngữ | Trình độ, mức độ sử dụng |
|-----------|--------------------------|
| Tiếng Nga | Bình thường |
| Tiếng Anh | Bình thường |

3. Quá trình công tác

| Từ năm...đến năm.. | Nơi công tác | Vị trí công tác |
|---------------------|---|---|
| 2001-4/2007 | Là cán bộ Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam | Cán bộ |
| 5/2007 đến 12/2010 | Trung tâm Tư vấn và Bảo vệ môi trường | TP. kỹ thuật môi trường |
| 01/2011 đến 11/2020 | Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà nội | Giảng viên |
| 2014- 2019 | Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà nội | Ủy viên BCH Công đoàn Trường khóa III nhiệm kỳ 2014- 2019 |
| 12/2020 | Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà nội | Giảng viên chính |
| 2018- 6/2020 | Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà nội | Chi Ủy viên Chi bộ CNTT – Địa chất, |
| 7/2020- đến nay | Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà nội | Chi Ủy viên Chi bộ CNTT – Địa chất, |
| 2020- đến nay | Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà nội | Ủy viên Ban nữ công Trường |
| 2019- 2023 | Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà nội | Ủy viên BCH Công đoàn Trường khóa IV nhiệm kỳ 2019- 2023 |
| 2023- nay | Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà nội | Ủy viên BCH Công đoàn Trường khóa V nhiệm kỳ 2023- 2028 |

| 4. Nghiên cứu khoa học | | | | |
|---|---|---|--|--|
| 4.1. Lĩnh vực nghiên cứu | | | | |
| Hướng nghiên cứu chính | | Khoa học trái đất | | |
| Chuyên ngành nghiên cứu | | Kỹ thuật Địa chất, Địa hóa học và khoáng vật học, môi trường | | |
| 4.2. Các công trình khoa học đã công bố | | | | |
| 4.2.1. Sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình, sách hướng dẫn... | | | | |
| STT | Tên sách | Mức độ tham gia (là chủ biên, là đồng tác giả, tham gia viết một phần) | Năm xuất bản | Nơi xuất bản |
| 1 | Thích ứng nghề nghiệp cho sinh viên ngành xã hội | Đồng tác giả | 2020 | Nhà xuất bản Thanh niên |
| 2 | Hỗ trợ tâm lý cho thanh niên | Đồng tác giả | 2021 | Nhà xuất bản Thanh niên |
| 4.2.2. Các bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước | | | | |
| STT | Tên bài báo | Năm công bố | Tên, số tạp chí công bố, trang tạp chí | Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả) |
| 1 | Nghiên cứu thành phần độ hạt và ý nghĩa đối với cây trồng xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội | 2019 | Tạp chí Tài nguyên và môi trường | Tác giả chính |
| 2 | Đá ngọc Nefrit - Jadeit khu vực Cò Phuong, huyện Sông Mã và mục đích sử dụng. | 2020 | Tạp chí Tài nguyên và môi trường | Tác giả chính |
| 3 | Nghiên cứu giá trị cảnh quan địa chất tại khu vực huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái phục vụ đánh giá phát triển du lịch | 2020 | Tạp chí Tài nguyên và môi trường | Đồng tác giả |
| 4 | Hỗ trợ tâm lý cho thanh niên | 2021 | Tạp chí thanh niên | Đồng tác giả |
| 5 | Đặc điểm thành phần vật chất của đất trồng khu vực Đại Thịnh - Mê Linh- Hà Nội | 2021 | Tuyển tập báo cáo Hội nghị toàn quốc Khoa học Trái đất | Đồng tác giả |
| 6 | Những loại hình Di sản Địa chất kiểu A (Địa mạo) đặc trưng tại Thành phố Lai Châu và vùng phụ cận, định | 2021 | Tạp chí Khoa học Tài nguyên và môi trường | Đồng tác giả |

| | | | | |
|---|---|------|---------------------------------------|--------------|
| | hướng khai thác phát triển Bền vững Giá trị Du lịch. | | | |
| 7 | Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho sinh viên tại các Trường Đại học, cao đẳng ở miền Bắc Việt Nam | 2021 | Tạp chí thiết bị | Đồng tác giả |
| 8 | Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ vỏ trấu cố định MnO ₂ , ứng dụng xử lý Pb ²⁺ trong nước dưới đất | 2022 | Tạp chí phân tích Hóa, lý và sinh học | Đồng tác giả |

4.2.3. Các bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài

| STT | Tên bài báo | Năm công bố | Tên và số tạp chí quốc tế đã công bố | Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả) |
|-----|--|-------------|---|---|
| 1 | Metal and metalloid concentrations in soil, surface water, and vegetables and the potential ecological and human health risks in the northeastern area of Hanoi, Vietnam | 2018 | Environmental Monitoring and Assessment | Tác giả chính |

4.2.4. Các báo cáo hội nghị, hội thảo trong nước

| Thời gian hội thảo | Tên báo cáo khoa học | Tên hội thảo | Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả) | Địa điểm tổ chức |
|--------------------|---|--|---|------------------|
| 2020 | Nghiên cứu đặc điểm thành phần độ hạt và thành phần khoáng vật trong đất khu vực tả ngạn sông Hồng, Hà Nội. | Hội nghị khoa học toàn quốc khoa học trái đất và tài nguyên với phát triển bền vững (ERSD2018) | Tác giả chính | Hà Nội |
| 2023 | Kết quả nghiên cứu bước đầu đặc điểm thành phần vật chất của đất trồng rau khu vực Đặng Xá, Lệ Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội | Hội nghị khoa học toàn quốc: Địa hóa, Môi trường và Phát triển bền vững | Đồng tác giả | Hà Nội |

4.2.5. Các báo cáo hội nghị, hội thảo quốc tế

| Thời gian hội thảo | Tên báo cáo khoa học | Tên hội thảo | Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả) | Địa điểm tổ chức |
|--------------------|--|---|---|------------------|
| 2018 | Technical characteristics of coal thei relationship with original condition of | International Conference Technology in Natural Disaster | Đồng tác giả | Hà Nội |

| | | | | |
|------|---|---|--------------|--------|
| | some coal mine in Northeastern area, Vietnam | prevention and Risk reduction | | |
| 2022 | Landslide Map using Google earting engine and multispectralimagegy | International Conference Technology in Natural Disaster prevention and Risk reduction | Đồng tác giả | Hà Nội |
| 2022 | Application of option remote sesing imagery and Decision Tree (DT) Algorithm in Flood monitoring and Statistics: A case study in Quang Nam, province, Vietnam | International Conference Technology in Natural Disaster prevention and Risk reduction | Đồng tác giả | Hà Nội |

4.3. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp

| Thời gian thực hiện | Tên chương trình, đề tài | Cấp quản lý đề tài | Trách nhiệm tham gia trong đề tài | Tình trạng đề tài (đã hoặc chưa nghiệm thu) |
|---------------------|---|------------------------------|-----------------------------------|---|
| 2015 | Dự án: “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản tỉnh Lai Châu đến năm 2020 | Tỉnh Lai Châu | Thành viên chính | Đã nghiệm thu |
| 2017- 2018 | “Nghiên cứu cơ sở khoa học đổi mới cơ chế, phương thức thăm dò, khai thác cát, sỏi để bảo vệ các dòng sông” | Bộ Tài nguyên và môi trường | Thành viên | Đã nghiệm thu |
| 2018 -2021 | Nghiên cứu ứng dụng lý thuyết khối đá đánh giá nguy cơ trượt lở trên mái dốc đá dọc tuyến quốc lộ, thử nghiệm từ km 0 đến km 80 trên quốc lộ 3B | Bộ Tài nguyên và môi trường | Thành viên chính | Đã nghiệm thu |
| 2018- 2021 | Nghiên cứu xây dựng mô hình đánh giá tiềm năng quặng graphit đối Sông Hồng bằng các phương pháp toán địa chất kết hợp GIS | Bộ TNMT | Thành viên | Đã nghiệm thu |
| 2022- 2023 | Tích hợp trí tuệ nhân tạo và các công nghệ giám sát trái đất trong nghiên cứu tai biến trượt lở đất ở vùng núi phía Bắc Việt Nam | Bộ Khoa học CN | Thành viên chính | Đã nghiệm thu |
| 2023 | Nghiên cứu thành phần độ hạt và thành phần khoáng vật trong đất phục vụ phát triển vùng rau an toàn tại xã Vân | Trường Đại học Tài nguyên và | Chủ nhiệm đề tài | Đã nghiệm thu |

| | | | | |
|---|---|-------------------|--------------------------------|-------------------|
| | Nội, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Hà Nội, mã số 13.01.23.C.01 | môi trường Hà Nội | | |
| 4.4. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước | | | | |
| Năm | Hình thức và nội dung giải thưởng | | Tổ chức trao tặng | |
| | Không | | | |
| 4.5. Kinh nghiệm hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS), học viên cao học (HVCH) | | | | |
| Họ tên NCS/HVCH | Đề tài luận án/luận văn | Cơ sở đào tạo | Thời gian đào tạo | Vai trò hướng dẫn |
| | Không | | | |
| 4.6. Những thông tin khác về nghiên cứu khoa học | | | | |
| Tham gia các tổ chức, hiệp hội ngành nghề; thành viên ban biên tập các tạp chí khoa học trong và ngoài nước; thành viên các hội đồng quốc gia, quốc tế... | | | | |
| Tên tổ chức | | | Vai trò tham gia | |
| Hội Địa hóa môi trường và phát triển bền vững | | | Thành viên Ban thư ký Hội nghị | |

| | |
|--|---|
| 5. Giảng dạy | |
| 5.1. Chuyên ngành giảng dạy chính | Khoa học Trái đất |
| 5.2. Học phần có thể đảm nhiệm | Kỹ năng mềm, Tinh thể khoáng vật học đại cương – Thực tập, Thạch học, Thực hành Thạch học, Địa hóa môi trường, Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản, Địa chất các mỏ khoáng,... |

Tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung bản lý lịch khoa học, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2024
NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ học hàm, học vị, họ và tên)



PGS.TS. Lê Thị Trinh

TS. Trần Thị Hồng Minh